

Số: 54/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa giải ngân hết trong năm 2022, 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 và kế hoạch năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội Về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết điều chỉnh vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa giải ngân hết trong năm 2022, 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 và kế hoạch năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 192/BC-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa giải ngân hết trong năm 2022, 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 và kế hoạch năm 2024, như sau:

1. Điều chỉnh vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa giải ngân hết trong năm 2022 đã chuyển nguồn sang năm 2023, 2024 tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thuộc huyện Yên Sơn, cụ thể:

1.1. Dự án 2. Điều chỉnh giảm: 374,0 triệu đồng.

1.2. Dự án 1. Điều chỉnh tăng: 374,0 triệu đồng.

2. Điều chỉnh vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa giải ngân hết trong năm 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

2.1. Điều chỉnh giảm 815,0 triệu đồng, trong đó:

a) Dự án 1. Điều chỉnh giảm tại thành phố Tuyên Quang: 200,0 triệu đồng.

b) Dự án 2. Điều chỉnh giảm tại huyện Chiêm Hoá và Yên Sơn: 615,0 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Chiêm Hoá: 241,0 triệu đồng

- Huyện Yên Sơn: 374,0 triệu đồng.

2.2. Điều chỉnh tăng cho các dự án: 815,0 triệu đồng, trong đó:

a) Dự án 1. Điều chỉnh tăng cho huyện Chiêm Hoá và Yên Sơn: 615,0 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Chiêm Hoá: 241,0 triệu đồng.

- Huyện Yên Sơn: 374,0 triệu đồng.

b) Dự án 4. Điều chỉnh tăng cho thành phố Tuyên Quang: 200,0 triệu đồng.

3. Điều chỉnh vốn đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

3.1. Điều chỉnh giảm 30.183,6 triệu đồng, trong đó:

a) Dự án 1. Điều chỉnh giảm tại thành phố Tuyên Quang: 120,0 triệu đồng.

b) Dự án 2. Điều chỉnh giảm tại huyện Chiêm Hoá và Yên Sơn: 1.253,0 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Chiêm Hoá: 691,0 triệu đồng.

- Huyện Yên Sơn: 562,0 triệu đồng.

c) Dự án 4. Điều chỉnh giảm tiểu Dự án 2 (Đầu tư cơ sở vật chất trường Đại học Tân Trào): 22.566,6 triệu đồng.

d) Dự án 6. Điều chỉnh giảm tại huyện Lâm Bình: 6.244,0 triệu đồng.

3.2. Điều chỉnh tăng cho các dự án: 30.183,6 triệu đồng, trong đó:

a) Dự án 1. Điều chỉnh tăng cho các huyện: 4.927,4 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Lâm Bình: 2.000,0 triệu đồng.

- Huyện Chiêm Hoá: 691,0 triệu đồng.

- Huyện Hàm Yên: 120,0 triệu đồng.

- Huyện Yên Sơn: 2.116,4 triệu đồng.

b) Dự án 4. Điều chỉnh tăng cho các huyện: 17.361,7 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Lâm Bình: 4.244,0 triệu đồng.

- Huyện Chiêm Hoá: 8.517,7 triệu đồng.

- Huyện Yên Sơn: 4.600,0 triệu đồng.

c) Dự án 5. Điều chỉnh tăng cho các huyện: 7.584,5 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Chiêm Hoá: 2.584,5 triệu đồng.

- Huyện Yên Sơn: 5.000,0 triệu đồng.

d) Dự án 9. Điều chỉnh tăng cho huyện Chiêm Hóa: 310 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu 01, 02 đính kèm)

2. Các nội dung không được điều chỉnh, tiếp tục thực hiện theo các Nghị quyết giao dự toán kinh phí đã được có thẩm quyền ban hành của cấp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề lần thứ 10 thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

**BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CHƯA GIẢI NGÂN HẾT TRONG NĂM 2022, 2023 ĐÃ CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số: 54/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Tổng 2022, 2023	Nội dung điều chỉnh		Vốn năm 2022 (Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 01/7/2022)	Nội dung điều chỉnh		Vốn năm 2023 (Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 28/02/2023)	Nội dung điều chỉnh		Kế hoạch vốn 2022, 2023 sau điều chỉnh		Ghi chú
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	NSTW	
1	2	3	5	6	3	5	6	4	5	6	7	8	9
	Tổng cộng	19.665,0	815,0	815,0	374,0	374,0		19.291,0	441,0	815,0	19.665,0	19.665,0	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	18.073,0	200,0	615,0				18.073,0	200,0	615,0	18.488,0	18.488,0	
1)	<i>Điều chỉnh giảm vốn đầu tư</i>	3.488,0	200,0					3.488,0	200,0		3.288,0	3.288,0	
	Thành phố Tuyên Quang	3.488,0	200,0					3.488,0	200,0		3.288,0	3.288,0	
2)	<i>Điều chỉnh tăng vốn đầu tư</i>	14.585,0		615,0				14.585,0		615,0	15.200,0	15.200,0	
1	Huyện Chiêm Hoá	5.447,5		241,0				5.447,5		241,0	5.688,5	5.688,5	
2	Huyện Yên Sơn	9.137,5		374,0				9.137,5		374,0	9.511,5	9.511,5	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	1.135,0	615,0		374,0	374,0		761,0	241,0		520,0	520,0	
	<i>Điều chỉnh giảm vốn đầu tư</i>	1.135,0	615,0		374,0	374,0		761,0	241,0		520,0	520,0	
1	Huyện Chiêm Hoá	761,0	241,0					761,0	241,0		520,0	520,0	
2	Huyện Yên Sơn	374,0	374,0		374,0	374,0							
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống và đơn vị sự nghiệp công lập	457,0		200,0				457,0		200,0	657,0	657,0	
	<i>Điều chỉnh tăng vốn đầu tư</i>	457,0		200,0				457,0		200,0	657,0	657,0	
	Thành phố Tuyên Quang	457,0		200,0				457,0		200,0	657,0	657,0	

**BIỂU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số: 54/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2024 (Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 07/12/2023)		Nội dung điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng số	NSTW	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	NSTW	
	Tổng cộng	283.694,0	283.694,0	30.183,6	30.183,6	283.694,0	283.694,0	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	29.456,0	29.456,0	120,0	4.927,4	34.263,4	34.263,4	
1)	Điều chỉnh giảm vốn đầu tư	250,0	250,0	120,0		130,0	130,0	
	Thành phố Tuyên Quang	250,0	250,0	120,0		130,0	130,0	
2)	Điều chỉnh tăng vốn đầu tư	29.206,0	29.206,0		4.927,4	34.133,4	34.133,4	
1	Huyện Lâm Bình	8.860,0	8.860,0		2.000,0	10.860,0	10.860,0	
2	Huyện Chiêm Hoá	4.135,0	4.135,0		691,0	4.826,0	4.826,0	
3	Huyện Hàm Yên	3.680,0	3.680,0		120,0	3.800,0	3.800,0	
4	Huyện Yên Sơn	12.531,0	12.531,0		2.116,4	14.647,4	14.647,4	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	1.253,0	1.253,0	1.253,0				
	Điều chỉnh giảm vốn đầu tư	1.253,0	1.253,0	1.253,0				
1	Huyện Chiêm Hoá	691,0	691,0	691,0				
2	Huyện Yên Sơn	562,0	562,0	562,0				
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống và đơn vị sự nghiệp công lập	218.953,0	218.953,0	22.566,6	17.361,7	213.748,1	213.748,1	
1)	Điều chỉnh giảm vốn đầu tư	85.000,0	85.000,0	22.566,6		62.433,4	62.433,4	
	Tiểu dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất trường Đại học Tân Trào	85.000,0	85.000,0	22.566,6		62.433,4	62.433,4	
2)	Điều chỉnh tăng vốn đầu tư	133.953,0	133.953,0		17.361,7	151.314,7	151.314,7	

STT	Danh mục công trình	Kế hoạch vốn năm 2024 (Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 07/12/2023)		Nội dung điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2024 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng số	NSTW	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Tổng số	NSTW	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống	133.953,0	133.953,0		17.361,7	151.314,7	151.314,7	
1	Huyện Lâm Bình	37.846,0	37.846,0		4.244,0	42.090,0	42.090,0	
2	Huyện Chiêm Hóa	49.802,0	49.802,0		8.517,7	58.319,7	58.319,7	
3	Huyện Yên Sơn	46.305,0	46.305,0		4.600,0	50.905,0	50.905,0	
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	21.414,0	21.414,0		7.584,5	28.998,5	28.998,5	
	<i>Điều chỉnh tăng vốn đầu tư</i>	21.414,0	21.414,0		7.584,5	28.998,5	28.998,5	
1	Huyện Chiêm Hóa	13.830,0	13.830,0		2.584,5	16.414,5	16.414,5	
2	Huyện Yên Sơn	7.584,0	7.584,0		5.000,0	12.584,0	12.584,0	
V	Dự án 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	6.351,0	6.351,0	6.244,0		107,0	107,0	
	<i>Điều chỉnh giảm vốn đầu tư</i>	6.351,0	6.351,0	6.244,0		107,0	107,0	
	Huyện Lâm Bình	6.351,0	6.351,0	6.244,0		107,0	107,0	
VI	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.	6.267,0	6.267,0		310,0	6.577,0	6.577,0	
	<i>Điều chỉnh tăng vốn đầu tư</i>	6.267,0	6.267,0		310,0	6.577,0	6.577,0	
	Huyện Chiêm Hóa	6.267,0	6.267,0		310,0	6.577,0	6.577,0	